



Bản tin

Nông nghiệp và Môi trường

Số 04/2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

LỄ KỶ NIỆM

**80 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(14/11/1945 - 14/11/2025)**



Xuân 2026
Bính Ngọ

- 80 NĂM TRUYỀN THỐNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: TỪ NỀN TẢNG LỊCH SỬ ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- KHẮC PHỤC CÁC CÔNG TRÌNH THUYẾT LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI SAU LŨ, PHỤC VỤ SẢN XUẤT ĐÔNG XUÂN 2025 – 2026
- XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025: KẾT QUẢ NỔI BẬT VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Nông nghiệp và Môi trường

QUẢNG NGÃI

Số 04/2025



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Trưởng Ban Biên tập

Phó Giám đốc Sở NN và MT

NGUYỄN QUANG TRUNG

Phó Ban Biên tập:

ƯNG VĂN THANH

Giám đốc Trung tâm

Khuyến nông Quảng Ngãi

NGUYỄN VĂN HÙNG

Phó Chánh Văn phòng Sở

Tổ Thư ký

NGÔ MẠNH HÙNG

NGÔ HỮU VỸ

NGUYỄN TRUNG HIẾU

Bìa 1:

Tri ân, tặng quà các đồng chí nguyên lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường qua các thời kỳ tại Lễ Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Ngành Nông nghiệp và Môi trường

Địa chỉ liên lạc Ban biên tập:

182 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT/FAX: 0255.3822.704 - 3737.156

Email: bientapkn@gmail.com

Trong số này

- 80 năm truyền thống ngành Nông nghiệp và Môi trường: Từ nền tảng lịch sử đến định hướng phát triển bền vững **1**
- Triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2025 – 2026 **3**
- Tổng kết sản xuất trồng trọt năm 2025 và triển khai kế hoạch vụ Đông Xuân 2025-2026 **5**
- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 **7**
- Cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp Quảng Ngãi giai đoạn 2021–2025: Nền tảng cho phát triển bền vững, đa giá trị **8**
- Khắc phục các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sau lũ, phục vụ sản xuất Đông Xuân 2025 – 2026 **10**
- Cơ cấu lại lĩnh vực thủy lợi tạo nền tảng cho phát triển nông nghiệp bền vững **12**
- Đánh giá công tác bảo vệ môi trường năm 2025 và thực trạng hạ tầng BVMT tại KKT, KCN, CCN tỉnh Quảng Ngãi **14**
- Kế hoạch quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030 **15**
- Cơ cấu lại ngành trồng trọt giai đoạn 2021-2025: Kết quả nổi bật và định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030 **17**
- Xây dựng nông thôn mới Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025: Kết quả nổi bật và định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030 **18**
- Quảng Ngãi tăng cường thực hiện công tác đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản **20**
- Tăng cường hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp - Giải pháp cho phát triển nông thôn bền vững **21**
- Kết quả nổi bật của Kế hoạch “Hỗ trợ phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng” giai đoạn 2022 - 2025 **23**
- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống đói, rét cho đàn vật nuôi tại các xã vùng núi của tỉnh Quảng Ngãi **25**
- Nuôi ghép cá nâu, cua xanh với tôm sú: Giải pháp hiệu quả cho nuôi trồng thủy sản bền vững **27**

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH



Hội nghị tổng kết Kế hoạch hỗ trợ phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, sản lượng để sản xuất hàng hoá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025



Hội nghị tổng kết Kế hoạch hỗ trợ cải tiến nâng cao tầm vóc đàn trâu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025



Đẩy mạnh công tác tập huấn nâng cao năng lực cho các tổ khuyến nông cộng đồng



Thành viên tổ khuyến nông cộng đồng các xã Mỏ Cày, Lân Phong, Mộ Đức, Nghĩa Hành và Vạn Tường tham quan, học tập mô hình nuôi lương không bùn tại xã Mỏ Cày



Giống sắn (mỳ) kháng bệnh khảm lá HN5 cho năng suất cao tại xã Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi



Đẩy mạnh công tác chuyển giao ứng dụng máy tách phân trong xử lý chất thải chăn nuôi lợn tại xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH



Lãnh đạo UBND tỉnh kiểm tra tiến độ các công trình đang thi công



Lãnh đạo UBND tỉnh tham quan các gian hàng trưng bày sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng địa phương



Năm 2025, lúa và các cây trồng chính đều đạt và vượt các chỉ tiêu về năng suất, sản lượng



Sản lượng khai thác thủy sản năm 2025 của Quảng Ngãi tiếp tục đạt và vượt kế hoạch đề ra



Thu cà phê tại các xã phía Tây Quảng Ngãi



Khai thác mủ cao su tại phía Tây Quảng Ngãi

80 NĂM TRUYỀN THỐNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: TỪ NỀN TẢNG LỊCH SỬ ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

✍ Th.S Hồ Trọng Phương

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

Năm 2025 đánh dấu tròn 80 năm hình thành và phát triển của ngành Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam - một chặng đường gắn liền với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, công cuộc kiến thiết đất nước và quá trình đổi mới, hội nhập.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, ngày 03/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 41, đặt nền móng cho công tác quản lý đất đai. Tiếp đó, Sắc lệnh số 75 năm 1946 thành lập ngành Địa chính - tiền thân của ngành Tài nguyên và Môi trường. Song song, ngày 14/11/1945, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết nghị thành lập Bộ Canh nông, tiền thân của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ngày 14/11 hằng năm đã trở thành ngày truyền thống của ngành, thể hiện sự ghi nhận của Đảng và Nhà nước đối với vai trò đặc biệt quan trọng của nông nghiệp và quản lý tài nguyên.

Trải qua 80 năm xây dựng và trưởng thành, ngành



Quang cảnh buổi Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành Nông nghiệp và Môi trường

Nông nghiệp và Môi trường luôn giữ vai trò trụ cột trong nền kinh tế. Trong giai đoạn 1945-1975, ngành đảm nhận sứ mệnh nền tảng của kinh tế kháng chiến, tổ chức quản lý ruộng đất, huy động nguồn lực phục vụ kháng chiến, đặt cơ sở cho hợp tác hóa nông nghiệp và quản lý đất đai thống nhất.

Giai đoạn 1976-1991, ngành tập trung khôi phục sản xuất, tái thiết đất nước, từng bước đưa công tác quản lý đất đai, thủy lợi và sản xuất nông nghiệp vào nền nếp, góp phần bảo đảm an ninh lương thực và ổn định đời sống nhân dân.

Từ công cuộc Đổi mới

năm 1986, cùng với các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước như Khoản 10, Khoản 100, các Luật Đất đai qua từng thời kỳ, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và ứng dụng khoa học - công nghệ, nông nghiệp Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ. Từ một nền sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp, nông nghiệp từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng.

Tại Quảng Ngãi, cùng với cả nước, ngành Nông nghiệp và Môi trường đã không ngừng được kiện toàn về tổ chức, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Công

tác quy hoạch, quản lý và sử dụng đất đai ngày càng chặt chẽ, hạ tầng thủy lợi, nước sạch nông thôn được quan tâm đầu tư; chương trình xây dựng nông thôn mới trở thành phong trào sâu rộng, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn và nâng cao đời sống người dân.

Một dấu mốc quan trọng là ngày 01/3/2025, khi Bộ Nông nghiệp và Môi trường được thành lập trên cơ sở hợp nhất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đây không chỉ là sự thay đổi về tổ chức bộ máy, mà còn thể hiện tư duy phát triển mới, coi nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên và môi trường là một chỉnh thể thống nhất, gắn kết chặt chẽ trong mục tiêu phát triển bền vững.

Chặng đường phía trước còn đặt ra nhiều thách thức. Biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt; yêu cầu phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, hiện đại; đòi hỏi quản lý, sử dụng đất minh bạch, hiệu quả và công tác bảo vệ môi trường thực chất hơn, khoa học hơn. Trước yêu cầu đó, chúng ta cần đổi mới tư duy hành động, tôn trọng quy luật phát triển, làm chủ khoa học - công

nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng đội ngũ cán bộ có tâm, có tầm, có bản lĩnh và khát vọng.

Trong chiến lược phát triển bền vững của đất nước, lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm; những chủ trương, nghị quyết của Trung ương được ban hành thời kỳ qua, nhất là những quyết sách được đề ra từ Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã mở không gian phát triển rộng lớn hơn, đặt ngành Nông nghiệp và Môi trường trước yêu cầu thực sự là trụ đỡ cho chiến lược phát triển kinh tế bền vững của tỉnh nhà.

Theo đó, chúng ta cần tiếp tục tập trung bám sát quan điểm, định hướng, phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, vùng đồng bằng, miền núi và ven biển. Tiếp tục nâng cao tiêu chí nông thôn mới, đô thị văn minh, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, thông minh gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tăng trưởng phải đi đôi với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Để hoàn thành những mục tiêu trên đòi hỏi ngành Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, tập trung quyết liệt thực hiện có hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông nghiệp, nông thôn theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Mở rộng không gian phát triển liên xã và quản lý tài nguyên đất đai hài hòa, bền vững. Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách khuyến khích của Trung ương và của tỉnh nhằm khơi dậy nguồn lực, tạo động lực để tiến tới các mục tiêu nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh trên địa bàn tỉnh.

Hai là, đẩy mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với công tác dồn điền đổi thửa, phát triển hàng hóa quy mô lớn, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác; thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư, hình thành chuỗi liên kết khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ. Chủ động phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, áp dụng mô hình giám sát giảm phát thải, tín chỉ cacbon và dịch vụ môi trường rừng gắn với xây

dựng nông thôn mới văn minh, đáng sống.

Ba là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp, tài nguyên và môi trường. Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và người lao động toàn ngành, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nền quản trị ngành chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Nhìn lại chặng đường 80 năm, có thể khẳng định rằng những thành tựu của ngành Nông nghiệp và Môi trường là kết quả của sự cống hiến bền bỉ, trách nhiệm và tâm huyết của nhiều thế hệ. Truyền thống ấy tiếp tục là nền tảng vững chắc để ngành bước vào giai đoạn phát triển mới, đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của đất nước và của tỉnh Quảng Ngãi.

TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2025 - 2026

✍ Nguyễn Văn Hùng

Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đỗ Tâm Hiến phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

Sở Nông nghiệp và Môi trường vừa tổ chức Hội nghị sơ kết sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025; triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2025 - 2026. Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đỗ Tâm Hiến dự và chỉ đạo Hội nghị. Tham dự có lãnh đạo các sở, ngành, địa phương, các cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đóng trên địa bàn tỉnh, cùng đại diện các doanh nghiệp, hợp tác xã tiêu biểu trong lĩnh vực nông nghiệp.

Năm 2025, ngành Nông nghiệp và Môi trường của tỉnh

đạt nhiều kết quả tích cực, hoàn thành và vượt kế hoạch nhiều chỉ tiêu sản xuất chủ yếu. Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 31.207,78 tỷ đồng, đạt 101,0% kế hoạch; tốc độ tăng trưởng đạt 5,2%. Việc ứng dụng khoa học - công nghệ, cơ giới hóa, nông nghiệp công nghệ cao và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị tiếp tục được mở rộng; công tác quản lý mã số vùng trồng, vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm được tăng cường.

Trong lĩnh vực trồng trọt, sản lượng lương thực đạt trên 634.347 tấn; nhiều cây trồng



Cây ăn quả và nhiều loại cây trồng chính trên địa bàn tỉnh đạt và vượt các chỉ tiêu về diện tích, sản lượng năm 2025

chủ lực như mía, cà phê tiếp tục phát triển ổn định. Toàn tỉnh đã xây dựng 277 cánh đồng lớn, thu hút 20 dự án nông nghiệp công nghệ cao với tổng vốn đầu tư hơn 3.553 tỷ đồng. Chăn nuôi duy trì ổn định với tổng đàn gia súc đạt 1.059.891 con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 138.661 tấn, tăng 1,76% so với cùng kỳ năm trước.

Thủy sản tiếp tục tăng trưởng khá; sản lượng khai thác và nuôi trồng đều vượt kế hoạch. Đáng chú ý, nuôi biển tại Lý Sơn và Sa Huỳnh phát triển mạnh với quy mô 156.800 m³ lồng nuôi. Lĩnh vực lâm nghiệp ghi nhận nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ che phủ rừng đạt 59,45%; trên 30.000 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC. Chương

trình OCOP tiếp tục được đẩy mạnh với 643 sản phẩm được công nhận, trong đó có 2 sản phẩm 5 sao, 55 sản phẩm 4 sao và 586 sản phẩm 3 sao. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 62%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, tích tụ đất đai chậm; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi có nguy cơ tái phát cục bộ; hoạt động khai thác thủy sản chịu tác động bởi giá nhiên liệu tăng cao; một số công trình thủy lợi xuống cấp, ảnh hưởng đến sản xuất.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã tập trung thảo luận, làm rõ những vướng mắc và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng

sản xuất vụ Đông Xuân 2025 - 2026. Các nội dung được quan tâm gồm: đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số; xây dựng và nhân rộng mô hình cánh đồng lớn; đổi mới giống cây trồng, điều chỉnh lịch thời vụ phù hợp; tăng cường áp dụng các biện pháp an toàn sinh học, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đỗ Tâm Hiền ghi nhận và biểu dương những nỗ lực của toàn ngành Nông nghiệp và Môi trường trong điều kiện còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, nhưng vẫn đạt được những kết quả quan trọng, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nông thôn. Phó Chủ tịch nhấn mạnh, ngành cần tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, khai thác hiệu quả lợi thế vùng và ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, quyết tâm giành thắng lợi vụ Đông Xuân 2025 - 2026, tạo nền tảng thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Phó Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phát huy vai trò cơ quan đầu ngành, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; sử dụng hiệu quả các nguồn lực để nhân rộng các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản có hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời, đẩy mạnh liên kết sản xuất, mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, các đơn vị công nghệ cao, viện nghiên cứu, trường đại học nhằm thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp.

Cùng với đó, tiếp tục rà soát, nâng cấp hạ tầng nông nghiệp, nhất là hệ thống thủy lợi; tăng cường quản lý đất đai, kịp thời xử lý các vi phạm; xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp từng vùng và hỗ trợ kịp thời cho người dân. Toàn ngành cần chủ động cải thiện môi trường đầu tư, thu hút doanh nghiệp, thúc đẩy thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển mới.

Các địa phương và cơ quan chuyên môn được yêu cầu chủ động, linh hoạt và chịu trách nhiệm trong triển khai nhiệm vụ; thực hiện đồng bộ các giải pháp ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu; ưu tiên phát triển sản phẩm đặc trưng, lựa chọn giống phù hợp, sắp xếp lịch thời vụ hợp lý; tăng cường áp dụng các biện pháp sinh học, cơ học và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn. Đồng thời, đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, khuyến khích chuyển đổi những diện tích sản xuất kém hiệu quả, xây dựng cánh đồng lớn và vùng sản xuất tập trung, đáp ứng yêu cầu thị trường, nhất là phục vụ xuất khẩu.

TỔNG KẾT SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2025 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng

Năm 2025, ngành trồng trọt tỉnh Quảng Ngãi ghi nhận những kết quả nổi bật, khẳng định vai trò then chốt trong nền nông nghiệp địa phương. Dù gặp nhiều thách thức về thời tiết, nhờ sự chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh, phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành và nỗ lực không ngừng của bà con nông dân, sản xuất trồng trọt vẫn đạt nhiều thành tích quan trọng.

Tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh ước đạt 638.999,4 tấn, vượt 1,5% kế hoạch. Cây lúa giữ vị trí chủ lực với diện tích 96.902,3 ha, năng suất 57,6 tạ/ha, sản lượng 558.480,3 tấn. Mô hình “cánh đồng lớn” tiếp tục phát huy hiệu quả, với 258 cánh đồng đạt năng suất bình quân 66,9 tạ/ha, cao hơn 9,7 tạ/ha so với sản xuất đại trà, nhờ áp dụng cơ giới hóa và tiến bộ kỹ thuật.

Cây ngô đạt diện tích 14.813 ha, sản lượng 80.519,1 tấn, tăng 4,1% so với năm 2024. Diện tích ngô tăng chủ yếu nhờ chuyển đổi từ những diện tích trồng lúa kém hiệu quả, phản ánh sự linh hoạt trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng của người dân. Ngoài ra, các cây trồng khác như sắn đạt sản lượng 869.578,2 tấn, rau các loại đạt 309.516,6 tấn, tiếp tục khẳng định vị thế quan trọng trong cơ cấu cây trồng của tỉnh.

Nhóm cây lâu năm tiếp tục khẳng định là cây chủ lực trong cơ cấu cây trồng nông nghiệp của tỉnh. Diện tích cây cao su đạt 82.162 ha, vượt 1,1% kế hoạch và tăng 1,0% so với năm 2024.

Cây cà phê đạt 33.065,9 ha, tăng 10,4% so với cùng kỳ. Cây ăn quả các loại cũng phát triển mạnh với 16.166 ha, đạt 109,1% kế hoạch. Cây mắc ca đạt diện tích 4.277,5 ha, tăng 3,5% so với năm trước, cho thấy tiềm năng phát triển của loại cây công nghiệp mới này.

Trong năm qua, toàn tỉnh đã chuyển đổi 423,6 ha đất lúa và sắn kém hiệu quả sang các cây trồng có giá trị kinh tế cao. Trong đó, đất lúa được chuyển sang trồng ngô (76,9 ha), rau các loại (80,2 ha), lạc (16,1 ha) và cỏ chăn nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân và cải thiện năng suất trên mỗi đơn vị diện tích.

Công tác dự báo và phòng trừ sâu bệnh trong năm 2025 cũng được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Diện tích lúa bị nhiễm sinh vật gây hại là 10.536 ha, giảm 2.838,5 ha so với cùng kỳ. Các đối tượng gây hại chủ yếu như chuột, ốc bươu vàng và bệnh khô vằn đã được phát hiện, xử lý kịp thời, đảm bảo sản xuất nông nghiệp không bị ảnh hưởng.

Hiện trên địa bàn toàn tỉnh duy trì 67 mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói, trong đó 39 mã số phục vụ

xuất khẩu. Diện tích ứng dụng công nghệ cao đạt trên 30.000 ha, với 2.668 ha được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ,... Công tác quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm được tăng cường qua 65 chuỗi cung ứng an toàn, cùng 50 cơ sở, doanh nghiệp đạt chứng nhận HACCP, ISO, tạo nền tảng cho nông nghiệp hiện đại và bền vững.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, ngành nông nghiệp tỉnh đã xây dựng kế hoạch chi tiết cho vụ Đông Xuân 2025-2026 với các mục tiêu cụ thể: diện tích lúa 45.483,1 ha, năng suất 60,5 tạ/ha, sản lượng 275.033,9 tấn; diện tích ngô 5.342,7 ha, năng suất 57,5 tạ/ha. Cùng với đó là các chỉ tiêu cho cây rau các loại: 8.556,4 ha, cây lạc: 4.769,4 ha và các cây trồng khác.

Để đạt được các mục tiêu này, ngành nông nghiệp sẽ tập trung vào các giải pháp trọng tâm: Bố trí lịch thời vụ gắn với cơ cấu giống lúa ngắn, trung ngày tùy vào điều kiện cụ thể từng vùng, cho lúa đại trà trở từ 05/3/2026 đến trước 20/3/2026, thu hoạch dứt điểm trước 20/4/2026 (đối với khu vực phía Đông Quảng Ngãi); sử dụng các giống lúa chủ

lực chất lượng cao như Bắc Thịnh, Thiên ưu 8, VNR20, Thiên Hương 6,...; áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và tiếp tục mở rộng mô hình cánh đồng lớn với kế hoạch xây dựng 88 cánh đồng trên tổng diện tích 1.772 ha.

Đặc biệt, công tác phòng trừ dịch hại sẽ được chủ động thực hiện ngay từ đầu vụ, với trọng tâm là diệt chuột và ốc bươu vàng. Các biện pháp kỹ thuật tiên tiến như IPM, “1 phải 5 giảm”, tưới nước “ngập khô xen kẽ” sẽ được áp dụng rộng rãi. Công tác dự báo, cảnh báo dịch hại sẽ được tăng cường để chủ động phòng trừ.

Có thể khẳng định, năm 2025 là một năm thành công của ngành trồng trọt Quảng Ngãi. Thành tích này là kết quả từ sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị cùng với tinh thần chủ động, sáng tạo và nỗ lực không ngừng của từng nông dân. Với sự chuẩn bị chu đáo cho vụ Đông Xuân 2025-2026, ngành trồng trọt tỉnh nhà đang tạo đà cho những bước phát triển mới, hướng tới một nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại và bền vững, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG TRƯỚC, TRONG VÀ SAU TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ 2026

✍ Nguyễn Tấn Hưng
Chi cục Kiểm lâm

Thời gian qua, công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) trên địa bàn tỉnh tiếp tục được các cấp ủy, chính quyền địa phương, ngành chức năng và chủ rừng chủ động triển khai thực hiện với nhiều kết quả tích cực. Nhận thức, ý thức và trách nhiệm của toàn xã hội đối với công tác bảo vệ rừng, PCCCR từng bước được nâng lên; các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp cơ bản được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, góp phần giữ vững ổn định tình hình rừng trên địa bàn tỉnh.

Nhằm tiếp tục tăng cường hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR và bảo vệ động vật hoang dã, đặc biệt trong thời gian trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bình Ngọ 2026, các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện



Phối hợp tuần tra, kiểm tra công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR

Chi thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Thứ hai, tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khu vực trọng điểm về phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp trái pháp luật; chủ động đấu tranh, truy quét các đối tượng mua bán, vận chuyển, tàng trữ gỗ và động vật rừng, nhất là các loài nguy cấp, quý, hiếm. Đồng thời, quản lý chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên các cơ sở chế biến gỗ, đặc biệt là các cơ sở sử dụng gỗ rừng tự nhiên; xử lý nghiêm minh, đúng quy định pháp luật các hành vi vi phạm, kiên quyết

đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

Thứ ba, rà soát, xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng; bổ sung, hoàn thiện phương án, kế hoạch PCCCR của các đơn vị và chủ rừng theo quy định. Chủ động chuẩn bị lực lượng, vật tư, trang thiết bị, phương tiện và hậu cần, bảo đảm thường trực, sẵn sàng phối hợp ứng phó, xử lý kịp thời các tình huống cấp bách trong bảo vệ rừng và PCCCR, không để xảy ra cháy lớn. Khi xảy ra cháy rừng, tổ chức điều tra, xác định rõ nguyên nhân và đối tượng gây cháy để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, tập trung thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về hoàn thành công tác giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp vào năm 2026, bảo đảm toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao, cho thuê đúng đối tượng, đúng mục đích. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng, nhất là đối với rừng tự nhiên.

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại trong công tác quản lý, bảo vệ rừng nhằm phát hiện sớm tình trạng mất rừng, cháy rừng, bảo đảm hiệu quả. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong thực hiện quy chế phối hợp bảo vệ rừng và PCCC.

Thứ sáu, tiếp tục thực hiện phân công, phân cấp rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền các cấp. Kịp thời làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm để xảy ra vi phạm, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Thứ bảy, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, PCCC, qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trong bảo vệ rừng.

Việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ vững chắc diện tích rừng hiện có, hạn chế thấp nhất các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp và nguy cơ cháy rừng, góp phần bảo đảm an ninh rừng, giữ gìn môi trường sinh thái và phát triển lâm nghiệp bền vững trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 và thời gian tiếp theo.

CƠ CẤU LẠI LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021-2025: NỀN TẢNG CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, ĐA GIÁ TRỊ

*Nguyễn Thị Kim Phi
Chi cục Kiểm lâm*

Giai đoạn 2021-2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Quảng Ngãi khi triển khai Kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp theo hướng bền vững, hiện đại và đa giá trị. Sau 5 năm thực hiện, nhiều mục tiêu trọng tâm đã đạt được, tạo nền tảng quan trọng để ngành lâm nghiệp tiếp tục phát triển trong bối cảnh mới.

Trong giai đoạn này, tỉnh duy trì ổn định diện tích có rừng, nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng trên toàn địa bàn. Tổng diện tích có rừng (gồm rừng và rừng trồng chưa thành rừng) đạt gần 967 nghìn ha; diện tích rừng trong quy hoạch 03 loại rừng hơn 891 nghìn ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 59,45%, thuộc nhóm địa phương có độ che phủ cao của cả nước. Công tác bảo vệ rừng có nhiều chuyển biến tích cực, số vụ vi phạm lâm luật giảm dần qua các năm, rừng tự nhiên được bảo vệ tốt hơn.

Việc xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững tiếp tục được đẩy mạnh. Toàn tỉnh có 17 chủ rừng tổ chức quản lý hơn 542 nghìn ha rừng theo phương án bền vững, bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao tính minh bạch, siết chặt



Rừng phòng hộ tại phía Tây Quảng Ngãi

kỷ cương lâm nghiệp, đồng thời tăng cường phối hợp giữa lực lượng kiểm lâm, chính quyền địa phương và các chủ rừng, tạo nền tảng vững chắc cho công tác quản lý tài nguyên rừng trong điều kiện biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp.

Cùng với bảo vệ rừng, trồng rừng, nhất là trồng rừng sản xuất tiếp tục phát triển. Các mô hình trồng rừng gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) và liên kết theo chuỗi giá trị từng bước được mở rộng. Người dân và doanh nghiệp chuyển dần từ sản xuất nhỏ lẻ sang hợp tác, liên kết, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp và cải thiện thu nhập cho khu vực miền núi. Đến nay, toàn tỉnh có trên 30.000 ha rừng được cấp chứng chỉ FSC, góp phần hình thành vùng nguyên liệu tập trung,

tạo nguồn cung ổn định cho công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản.

Một kết quả quan trọng khác là việc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý lâm nghiệp phù hợp với mô hình tổ chức mới sau khi hợp nhất tỉnh. Từ năm 2025, hệ thống kiểm lâm và các chủ rừng được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả; phân cấp, phân quyền cho chính quyền cấp xã được tăng cường theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Công tác rà soát hồ sơ quản lý rừng, ranh giới lâm phần, hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp được thực hiện đồng bộ, góp phần thống nhất quản lý tài nguyên rừng trên phạm vi toàn tỉnh.

Bên cạnh nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, Quảng Ngãi từng bước hướng đến khai thác bền vững các giá trị kinh tế, môi trường và

xã hội của rừng. Nhiều mô hình trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ bền vững, trồng rừng kết hợp dược liệu, phát triển Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm và một số cây dược liệu dưới tán rừng được nghiên cứu, triển khai ở những khu vực phù hợp. Một số chủ rừng đã liên kết với doanh nghiệp hình thành chuỗi sản phẩm lâm nghiệp - dược liệu, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và tạo sinh kế bền vững cho người dân địa phương.

Hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với rừng cũng bước đầu được quan tâm. Một số đề án du lịch sinh thái tại các khu rừng có giá trị đa dạng sinh học cao đã được xây dựng, mở ra hướng phát triển mới, giúp lâm nghiệp đóng góp trực tiếp hơn vào tăng trưởng kinh tế địa phương.

Bên cạnh kết quả đạt được, lĩnh vực lâm nghiệp vẫn còn một số hạn chế: Nguồn lực của nhiều chủ rừng còn hạn chế, chủ yếu mới đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ rừng; đầu tư nâng cao chất lượng rừng và các biện pháp lâm sinh còn chậm. Tác động của biến đổi khí hậu làm gia tăng nguy cơ thiên tai, cháy rừng, ảnh hưởng đến rừng trồng. Một

số chính sách hỗ trợ đầu tư còn khó tiếp cận, chưa tạo động lực mạnh mẽ; việc sắp xếp tổ chức sau hợp nhất tỉnh cũng tạo giai đoạn chuyển tiếp, ảnh hưởng đến tiến độ một số nhiệm vụ.

Trên cơ sở tổng kết 5 năm thực hiện, lĩnh vực lâm nghiệp tỉnh xác định các định hướng lớn cho giai đoạn tiếp theo. Trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện quy hoạch lâm nghiệp đồng bộ với Quy hoạch tỉnh và Chiến lược lâm nghiệp quốc gia; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý rừng; phát triển lâm nghiệp đa giá trị gắn với du lịch sinh thái, dược liệu, dịch vụ môi trường rừng và tín chỉ các-bon; đồng thời thu hút đầu tư, nâng cao trách nhiệm của các chủ rừng và năng lực của lực lượng bảo vệ rừng.

Nhìn chung, giai đoạn 2021-2025, ngành lâm nghiệp Quảng Ngãi đã có bước chuyển biến rõ nét theo hướng bền vững và hiện đại hơn. Những kết quả đạt được là nền tảng quan trọng để ngành tiếp tục phát triển, đóng góp tích cực cho tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường trong giai đoạn tiếp theo.

Khắc phục các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sau lũ, phục vụ sản xuất Đông Xuân 2025 - 2026

Huỳnh Quang Tào
Chỉ cục Thủy lợi

Quảng Ngãi hiện có 1.478 công trình thủy lợi đang được khai thác, vận hành, phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và cấp nước công nghiệp. Hệ thống công trình gồm 211 hồ chứa với tổng dung tích 487,29 triệu m³; 1.108 đập dâng; 149 trạm bơm và 10 cống ngăn mặn quy mô lớn. Đây là hạ tầng thủy lợi quan trọng, giữ vai trò then chốt trong bảo đảm an ninh nguồn nước và ổn định sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, trong đợt mưa lũ kéo dài từ ngày 25/10 đến ngày 02/11/2025 và ảnh hưởng của bão số 13 (từ ngày 05/11 đến ngày 07/11/2025), trên địa bàn tỉnh xảy ra mưa rất to, lượng mưa phổ biến từ 1.000-1.500 mm, có nơi vượt trên 2.300 mm. Mực nước lũ trên sông Trà Khúc và sông Trà Bồng đều vượt báo động III, gây ngập lụt trên diện rộng tại 16 xã, phường, làm thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế và đời sống nhân dân.

Đặc biệt, mưa lũ đã làm hư hỏng, xuống cấp nhiều công trình thủy lợi và hệ thống kênh tưới, tiêu, với tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng 700 tỷ đồng. Trong đó, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi bị hư hỏng 206 hạng mục công trình; nhiều tuyến kênh, mương bị vỡ, sạt lở, bồi lấp với tổng chiều dài trên 14.000 m. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Kon Tum bị hư hỏng 40 hạng mục công trình, bao gồm hồ chứa, đập dâng và hệ thống kênh mương, với khối lượng đất đá sạt lở lớn. Ngoài ra, còn nhiều công trình thủy lợi do cấp xã quản lý cũng bị ảnh hưởng, cần khẩn trương khắc phục.

Trước tình hình đó, nhằm sớm khôi phục hệ thống công trình, bảo đảm cấp nước phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2025 - 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp cấp bách,



**Vỡ kênh bờ hữu tại K1+000 kênh
Tịnh Hiệp**

Hư hỏng kênh Tịnh Hiệp

trong đó ưu tiên hàng đầu là bảo đảm an toàn hồ, đập và khôi phục hệ thống kênh mương bị hư hỏng.

Sở cũng đã tham mưu UBND tỉnh công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với một số tuyến đường và công trình thủy lợi xung yếu, tạo cơ sở pháp lý để đẩy nhanh tiến độ khắc phục, sửa chữa công trình phục vụ sản xuất và dân sinh. Đồng thời, tổ chức các đoàn kiểm tra trực tiếp tại hiện trường nhằm đánh giá mức độ hư hỏng, hướng dẫn, đôn đốc

các đơn vị liên quan triển khai biện pháp khắc phục kịp thời.

Bên cạnh đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sửa chữa, khắc phục các công trình thủy lợi và tuyến kênh từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh; giao UBND các xã, phường, đặc khu và các công ty khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện, bảo đảm tiến độ và hiệu quả.

Để bảo đảm tái nước phục vụ sản xuất, Sở cũng ban

hành văn bản hướng dẫn các đơn vị khai thác công trình thủy lợi và chính quyền địa phương tập trung huy động nguồn lực khắc phục hư hỏng, ưu tiên nạo vét kênh mương bị bồi lấp, gia cố các đoạn kênh sạt lở, sửa chữa các hạng mục công trình trên kênh bằng biện pháp kiên cố hóa hoặc giải pháp tạm thời phù hợp, nhằm kịp thời dẫn nước phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2025 - 2026.

Đối với các công trình thủy lợi do địa phương quản lý, UBND các xã, phường, đặc khu được yêu cầu chỉ đạo tổ chức thủy lợi cơ sở phối hợp chặt chẽ với các công ty khai thác công trình thủy lợi trong việc lập kế hoạch và điều tiết nước tưới. Việc vận hành công trình phải có sự quản lý thống nhất, bố trí nhân viên thủy nông trực tiếp điều hành, không để người dân tự ý vận hành, lấy nước gây mất an toàn và thiếu hiệu quả.

Việc khẩn trương khắc phục các công trình thủy lợi sau mưa lũ không chỉ góp phần bảo đảm sản xuất vụ Đông Xuân 2025 - 2026 đúng tiến độ, mà còn nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống thủy lợi trước tác động ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

CƠ CẤU LẠI LĨNH VỰC THỦY LỢI TẠO NỀN TẢNG CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

✍ **Đào Công Trứ**
Chi cục Thủy lợi

Thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi (trước đây) và tỉnh Kon Tum (trước đây) đã ban hành kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2025, trong đó xác định lĩnh vực thủy lợi giữ vai trò then chốt trong bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Theo kế hoạch, tỉnh tập trung huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống công trình thủy lợi nhằm chủ động cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; ưu tiên đầu tư các công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu; mở rộng diện tích tưới cho cây trồng cạn có hiệu quả kinh tế cao, nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời, chú trọng đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ vùng khó khăn về nguồn nước, áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; tăng cường đầu tư hạ tầng phòng, chống thiên tai, nhất là hệ thống đê sông, đê biển và kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

Kết quả đầu tư hạ tầng thủy lợi

Triển khai các nhiệm vụ cơ cấu lại lĩnh vực thủy lợi, ngành thủy lợi tỉnh đã thực hiện đồng bộ các giải pháp về quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, quản lý

khai thác công trình và ứng dụng công nghệ, qua đó đạt được những kết quả tích cực.

Về quy hoạch, ngành đã chủ động lập điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh để tích hợp vào Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn với phòng, chống thiên tai trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi trên địa bàn.

Về đầu tư xây dựng, từ năm 2022 đến nay, toàn tỉnh đã hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng 211 công trình thủy lợi, gồm 46 hồ chứa nước, 153 đập dâng, đập ngăn mặn, 6 trạm bơm tưới và 6 công trình tiêu, thoát nước; đồng thời kiên cố hóa hơn 130 km kênh mương thủy lợi các loại, với tổng kinh phí đầu tư trên 3.651 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tỉnh đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa khoảng 58 công trình đê điều, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển với tổng kinh phí hơn

3.183 tỷ đồng, góp phần nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình

Công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi từng bước được đổi mới theo hướng hiệu quả, đa mục tiêu. Nhiều công trình đầu mối được kết hợp phát điện; nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ được triển khai tại nhiều địa phương. Việc sử dụng nước tiết kiệm được đẩy mạnh thông qua áp dụng tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước và các phương thức canh tác tiết kiệm nước như SRI, tưới ướt - khô xen kẽ, “1 phải 5 giảm”, “3 tăng 3 giảm”, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.

Hạ tầng thủy lợi từng bước mở rộng chức năng cấp nước thô phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và bảo vệ môi trường. Năm 2025, sản lượng nước thô cấp cho sinh hoạt và công nghiệp ước đạt khoảng 20 triệu m³, tăng 243% so với năm 2021;



Công trình hồ chứa nước Hồ Sâu đưa vào khai thác sử dụng vào năm 2025

nguồn thu từ phát điện tại các công trình thủy lợi đạt khoảng 11,9 tỷ đồng. Các đơn vị khai thác công trình thủy lợi đã kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công trình và phòng, chống thiên tai tiếp tục được tăng cường. Tỉnh đã đầu tư, vận hành cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa nước và cơ sở dữ liệu phòng, chống thiên tai trên nền tảng WebGIS; triển khai hệ thống điều khiển vận hành tự động (SCADA) tại một số công trình; vận hành 99 trạm đo mưa tự động, 11 trạm đo mực nước tự động và 6 trạm cảnh báo ngập lụt, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

Góp phần quan trọng vào tái cơ cấu nông nghiệp

Nhờ hệ thống thủy lợi

được đầu tư, nâng cấp đồng bộ, hằng năm tỉnh đều đạt chỉ tiêu cấp nước tưới theo kế hoạch. Tổng diện tích gieo trồng được tưới chủ động bằng công trình thủy lợi đạt 103.145 ha, chiếm 72,63% diện tích cần tưới. Trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn, đến năm 2025, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,3%, trong đó tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt 62%, hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Công tác tiêu thoát nước, phòng chống ngập úng từng bước được cải thiện, nhất là tại các vùng trũng thấp, khu công nghiệp, khu dân cư và khu vực ven biển. Các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển phát huy hiệu quả, góp phần bảo vệ khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật và các hoạt động sản xuất.

Bên cạnh kết quả đạt được, lĩnh vực thủy lợi vẫn còn một số khó khăn, hạn chế. Nhiều công trình ở vùng sâu, vùng xa, miền núi chịu tác động lớn của mưa lũ nhưng chưa được đầu tư kiên cố, đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho hạ tầng thủy lợi, nước sạch nông thôn và phòng, chống thiên tai còn hạn chế; tiến độ triển khai một số dự án chưa đáp ứng yêu cầu.

Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Thời gian tới, tỉnh tiếp tục tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi theo Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn với phòng, chống thiên tai trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ưu tiên các công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu, bảo đảm an toàn hồ chứa và phục vụ vùng khó khăn về nguồn nước. Đồng thời, nâng cao hiệu quả sử dụng nước; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, tự động hóa trong quản lý, vận hành công trình; đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, liên vùng; chủ động triển khai các giải pháp phòng, chống lũ, ngập lụt, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển bền vững của tỉnh.

Đánh giá công tác bảo vệ môi trường năm 2025 và thực trạng hạ tầng BVMT tại KKT, KCN, CCN tỉnh Quảng Ngãi

✍ Nguyễn Anh Khoa

Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi

Năm 2025, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục được triển khai một cách chủ động và đồng bộ, gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu hạn chế tác động ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động công nghiệp, đô thị và dịch vụ. Công tác quản lý nhà nước được tăng cường thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và ứng phó sự cố môi trường. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh mới đi vào hoạt động ngày càng tuân thủ tốt quy định pháp luật về môi trường; việc thẩm định, cấp phép môi trường và kiểm soát hồ sơ được thực hiện đúng quy trình và tiến độ.

Sau khi sáp nhập, quy mô công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi được mở rộng đáng kể, trong đó Khu kinh tế Dung Quất (KKT) tiếp tục giữ vai trò hạt nhân phát triển. Các khu công nghiệp (KCN) Quảng Phú, Tịnh Phong, VSIP Quảng Ngãi



Khu kinh tế Dung Quất - Quảng Ngãi

cùng 23 cụm công nghiệp (CCN) phân bố tại nhiều địa phương tạo thành hệ thống công nghiệp đồng bộ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Hoạt động quan trắc và giám sát môi trường tiếp tục được củng cố, đặc biệt là việc vận hành và kết nối hệ thống quan trắc tự động nước thải, khí thải của các doanh nghiệp trọng điểm về Sở Nông nghiệp và Môi trường, giúp nâng cao khả năng giám sát theo thời gian thực. Chất lượng môi trường

không khí và nước cơ bản được đảm bảo; một số khu vực ghi nhận hiện tượng tăng bụi cục bộ vào giờ cao điểm giao thông nhưng không kéo dài.

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải có chuyển biến tích cực. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt duy trì ở mức cao, trên 90%; nhiều địa phương triển khai mô hình phân loại rác tại nguồn gắn với công tác tuyên truyền cộng đồng. Chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại được

kiểm soát chặt chẽ hơn theo chu trình từ phát sinh đến xử lý. Đồng thời, các hoạt động truyền thông, giáo dục môi trường được đẩy mạnh góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

Đối với hạ tầng bảo vệ môi trường, Khu kinh tế Dung Quất tiếp tục duy trì vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng nhu cầu xử lý của các ngành công nghiệp trọng điểm. Nhiều nhà máy lớn đã lắp đặt và truyền dữ liệu quan trắc tự động về cơ quan quản lý, phục vụ kiểm soát liên tục. Tuy nhiên, một số tuyến thu gom nước thải vẫn cần được nâng cấp để đồng bộ theo quy hoạch. Tại các khu công nghiệp như VSIP Quảng Ngãi, Tịnh Phong, hạ tầng xử lý nước thải tập trung được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, vận hành bảo đảm quy chuẩn. Mặc dù vậy, một số khu công nghiệp khác vẫn chưa hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định, cần tiếp tục đầu tư bổ sung.

Đối với các cụm công nghiệp, hầu hết chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống thu gom và thoát nước tại nhiều nơi chưa tách biệt giữa nước mưa và nước thải, gây khó khăn cho công tác kiểm soát ô nhiễm. Tỉnh đang triển khai kế hoạch đầu tư nâng cấp hạ tầng bảo vệ môi trường tại các CCN, kết hợp vốn ngân sách và xã hội hóa, nhằm giảm nguy cơ ô nhiễm cục bộ.

Trong năm 2026, tỉnh định hướng hoàn thiện hạ tầng xử lý nước thải tại toàn bộ khu công nghiệp và cụm công nghiệp theo quy hoạch; mở rộng kết nối các hệ thống quan trắc tự động và ứng dụng chuyển đổi số trong giám sát môi trường. Công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở có nguy cơ cao sẽ được tăng cường, đồng thời thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng sạch và công nghệ ít phát thải, góp phần xây dựng môi trường sản xuất - kinh doanh bền vững.

Kế hoạch quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030

Nguyễn Đăng Cẩm Vi

Chi cục Thủy sản - Biển đảo

Uy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vừa ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/10/2025 về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Kế hoạch nhằm thực hiện hiệu quả các cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế trong giải quyết vấn đề rác thải nhựa, trọng tâm là rác thải nhựa đại dương; ngăn ngừa việc xả rác thải nhựa từ các nguồn trên đất liền và từ các hoạt động trên biển. Qua đó, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực về giảm thiểu rác thải nhựa đại dương, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn và các chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

Kế hoạch cũng hướng tới mục tiêu nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy trong toàn hệ thống chính trị và trong nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Theo kế hoạch, đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi phấn đấu giảm 70% rác thải nhựa trên biển và đại dương; 100% rác thải nhựa tại các bãi biển, khu du lịch biển và khu bảo tồn biển được thu hồi, xử lý. Toàn bộ ngư cụ khai thác thủy sản bị mất hoặc bị vứt bỏ được thu gom; các khu, điểm du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch tại vùng ven biển, hải đảo không sử dụng sản phẩm



Mô hình “Người dân Quảng Ngãi mang rác về bờ - Biến rác thành tiền”

nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy. Hằng năm, tỉnh tổ chức ít nhất hai đợt ra quân thu gom, làm sạch bãi biển; phần đầu Khu bảo tồn biển Lý Sơn không còn rác thải nhựa, đồng thời thực hiện quan trắc định kỳ để đánh giá hiện trạng rác thải nhựa đại dương tại các cửa sông ven biển và khu vực Lý Sơn.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, tỉnh tập trung triển khai các nhóm nhiệm vụ trọng tâm gồm: Tuyên truyền nâng cao nhận thức; thu gom, xử lý rác thải nhựa; kiểm soát rác thải từ nguồn và tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ.

Trong đó, các chương trình truyền thông sẽ được triển khai sâu rộng đến cộng đồng dân cư, doanh nghiệp

và du khách nhằm từng bước thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Các địa phương ven biển tổ chức phong trào thu gom rác thải, bố trí điểm tập kết chất thải nhựa phù hợp, huy động sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.

Cùng với đó, tỉnh tiến hành điều tra, thống kê các nguồn phát sinh rác thải nhựa từ đất liền và từ các hoạt động kinh tế trên biển để có giải pháp kiểm soát hiệu quả; khuyến khích đầu tư, áp dụng công nghệ xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải nhựa. Đặc biệt, tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình “Người dân Quảng Ngãi mang rác về bờ - Biến rác thành tiền”; đồng thời nghiên cứu triển khai thí điểm các

mô hình “du lịch không rác nhựa”, “trường học giảm thiểu rác thải nhựa” tại các khu vực ven biển và hải đảo.

Bên cạnh đó, tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thu gom, xử lý rác thải nhựa phát sinh từ các hoạt động kinh tế biển như du lịch, dịch vụ biển, hàng hải, nuôi trồng và khai thác thủy sản; chú trọng khu vực đảo Lý Sơn - địa bàn có tiềm năng lớn về phát triển du lịch, dịch vụ biển và đa dạng sinh học.

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch giai đoạn 2026-2030 dự kiến gần 11 tỷ đồng, từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương ven biển và đặc khu Lý Sơn tổ chức triển khai thực hiện; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ môi trường biển, giảm thiểu ô nhiễm rác thải nhựa, góp phần phát triển kinh tế biển bền vững và nâng cao hình ảnh, vị thế của tỉnh Quảng Ngãi trong thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường biển và đại dương.

Cơ cấu lại ngành trồng trọt giai đoạn 2021-2025: KẾT QUẢ NỔI BẬT VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026-2030

✍ Th.S Võ Thị Thanh Nhân

Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng

Giai đoạn 2021-2025, ngành trồng trọt tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, thể hiện rõ định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững và gia tăng giá trị. Cơ cấu cây trồng tiếp tục chuyển dịch tích cực; nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn được hình thành; ứng dụng khoa học, công nghệ và nông nghiệp công nghệ cao ngày càng được mở rộng, qua đó tạo động lực thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển toàn diện.

Sau 5 năm triển khai thực hiện cơ cấu lại ngành, giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân đạt khoảng 146 triệu đồng/ha, vượt kế hoạch đề ra. Sản lượng lương thực cây có hạt ước đạt 633.109 tấn, tăng 7,4% so với năm 2020. Các cây trồng chủ lực như rau, cây ăn quả, cà phê, cao su... đều tăng về diện tích và sản lượng. Cùng với đó, hệ thống 37 cơ sở chế biến nông sản được đầu tư, nâng cấp, góp phần giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị sản phẩm và tạo việc làm cho lao



Ngành Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ngãi chủ trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao

động khu vực nông thôn.

Ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất trồng trọt đạt nhiều kết quả tích cực. Toàn tỉnh đã hình thành hơn 30.000 ha sản xuất ứng dụng công nghệ cao, trong đó 2.668 ha đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ... Hiện nay, Quảng Ngãi duy trì 65 mã số vùng trồng và 2 mã số cơ sở đóng gói, tạo điều kiện thuận lợi để nông sản tham gia sâu hơn vào thị trường xuất khẩu. Đồng thời, tỉnh đã thu hút 20 dự án nông nghiệp công nghệ cao với tổng vốn đầu tư trên 3.500 tỷ đồng, góp phần thúc đẩy

quá trình chuyển dịch nông nghiệp theo hướng hiện đại và bền vững.

Song song với ứng dụng công nghệ, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng tiếp tục được các địa phương quan tâm triển khai theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện từng vùng. Đến nay, hơn 3.338 ha đất lúa kém hiệu quả đã được chuyển sang trồng rau màu, cây ăn quả và cây công nghiệp ngắn ngày, mang lại thu nhập cao hơn cho nông dân. Toàn tỉnh duy trì ổn định 65 chuỗi liên kết nông sản và triển khai 799 mô hình cánh đồng lớn với diện tích gần 14.000 ha, góp

phần nâng cao giá trị sản xuất, tăng sức cạnh tranh và bảo đảm đầu ra ổn định cho nông sản.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành trồng trọt vẫn còn gặp một số khó khăn, nhất là về hạ tầng phục vụ sản xuất; khả năng thu hút doanh nghiệp đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác chuyển đổi số và liên kết sản xuất tuy có chuyển biến nhưng quy mô còn nhỏ, thiếu tính đồng bộ. Tuy nhiên, những hạn chế này mang tính giai đoạn và đang được các cấp, các ngành tập trung tháo gỡ, tạo tiền đề cho sự phát triển trong thời gian tới.

Bước vào giai đoạn 2026-2030, ngành trồng trọt Quảng Ngãi hướng tới mục tiêu “Nâng cao giá trị gia tăng - Phát triển bền vững - Xanh hóa nông nghiệp”, xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, thông minh, thân thiện với môi trường. Tỉnh tập trung phát triển các vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến; mở rộng chuỗi liên kết giá trị; thúc đẩy nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số và mở rộng diện tích sản xuất đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...

Cùng với việc từng bước hoàn thiện hạ tầng phục vụ sản xuất, tỉnh tiếp tục triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và chế biến sâu, tạo động lực cho phát triển bền vững.

Với nền tảng những kết quả đạt được trong giai đoạn 2021-2025, ngành trồng trọt Quảng Ngãi kỳ vọng tiếp tục bứt phá trong thời gian tới, đóng góp tích cực vào mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp hiệu quả, hiện đại và phát triển xanh, bền vững của tỉnh.

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025: KẾT QUẢ NỔI BẬT VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Phan Thái Trà

Chi cục Phát triển nông thôn

C hương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021-2025 tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những chương trình trọng tâm, xuyên suốt trong phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Quảng Ngãi. Trong bối cảnh nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu, thiên tai và yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính, Chương trình vẫn đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Sau 5 năm triển khai, Chương trình xây dựng NTM đã góp phần làm thay đổi toàn diện mạo khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; cảnh quan nông thôn ngày càng khang trang, sạch đẹp; nhiều khu dân cư kiểu mẫu hình thành với các tiêu chí “sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt, thu nhập bình quân tăng qua từng năm.

Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực. Đến cuối năm 2024, tỷ lệ nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm còn 4,27%; trong đó khu vực đồng bằng chỉ còn 1,69%, khu vực miền núi giảm xuống 8,04%. Hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, an ninh trật tự, quốc phòng tại khu vực nông thôn tiếp tục được giữ vững, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội.

Trước thời điểm sáp nhập tỉnh, đến ngày 30/6/2025, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) có 03 huyện đạt chuẩn NTM; 149/229 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 65,06%, trong đó có 22 xã đạt chuẩn

NTM nâng cao và 04 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Đây là kết quả cho thấy sự nỗ lực lớn của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận cao của người dân trong quá trình thực hiện Chương trình.

Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính, từ ngày 01/7/2025, toàn tỉnh Quảng Ngãi có 86 xã tiếp tục triển khai xây dựng NTM. Qua rà soát theo nguyên tắc, hiện có 45/86 xã được xác định đạt chuẩn NTM, chiếm 52,3%. Kết quả này phản ánh thực tế chênh lệch về điều kiện phát triển giữa các vùng, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới cách tiếp cận trong giai đoạn tới.

Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tiếp tục được triển khai đồng bộ, trở thành điểm nhấn quan trọng trong phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 643 sản phẩm OCOP còn thời hạn, trong đó có 55 sản phẩm đạt 4 sao, 586 sản phẩm đạt 3 sao và 02 sản phẩm đạt OCOP 5 sao cấp Trung ương. Nhiều sản phẩm từng bước khẳng định thương hiệu, mở rộng thị trường, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và doanh nghiệp nông thôn.

Song song với OCOP, Chương trình phát triển du



Nông thôn Quảng Ngãi ngày càng xanh, sạch, đẹp

lich nông thôn gắn với xây dựng NTM đã tạo chuyển biến rõ rệt trong tư duy phát triển kinh tế nông thôn. Từ chỗ chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp đơn giá trị, nhiều địa phương đã từng bước chuyển sang mô hình phát triển kinh tế nông thôn tích hợp đa giá trị, kết hợp nông nghiệp - văn hóa - sinh thái - dịch vụ. Toàn tỉnh hiện có 16 điểm du lịch cộng đồng được công nhận theo Luật Du lịch, một số sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng đã được đánh giá, xếp hạng OCOP, góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế của nông thôn Quảng Ngãi.

Bước sang giai đoạn 2026 - 2030, xây dựng NTM của tỉnh Quảng Ngãi đứng trước yêu cầu mới, vừa phải bảo đảm mục tiêu số lượng, vừa nâng cao chất lượng và tính bền vững. Tỉnh đặt mục tiêu

đến năm 2030 có 56/86 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ trên 65%, phù hợp với điều kiện thực tế sau sáp nhập tỉnh.

Để thực hiện mục tiêu trên, tỉnh tập trung vào một số định hướng, giải pháp trọng tâm. Trước hết, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện Chương trình. Việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư được xác định là nhiệm vụ then chốt, trong đó chú trọng lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác nhằm tránh dàn trải, trùng lặp.

Cùng với đó, công tác tuyên truyền, vận động tiếp tục được đẩy mạnh nhằm tạo chuyển biến thực chất về nhận thức của cán bộ và

người dân đối với mục tiêu, ý nghĩa của xây dựng NTM. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, bảo đảm công khai, minh bạch; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư.

Phát triển sản phẩm OCOP gắn với lợi thế địa phương, vùng nguyên liệu, văn hóa và tri thức bản địa tiếp tục là hướng đi trọng tâm. Tỉnh chú trọng chuẩn hóa quy trình sản xuất, chế biến; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển sản phẩm chế biến sâu, nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng bền vững.

Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025 cho thấy Chương trình xây dựng NTM đã và đang tạo động lực quan trọng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Ngãi. Bước vào giai đoạn 2026 - 2030, với cách tiếp cận linh hoạt, phù hợp thực tiễn và định hướng phát triển bền vững, xây dựng NTM tiếp tục là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng đời sống người dân, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển hài hòa giữa kinh tế - xã hội - môi trường.

QUẢNG NGÃI TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG SAU KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Huỳnh Quốc Tuấn
Phòng Khoáng sản

Thời gian qua, cùng với việc đẩy mạnh đấu giá quyền khai thác khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh Quảng Ngãi cũng chỉ đạo tập trung triển khai quyết liệt công tác đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường đối với các khu vực khoáng sản đã hết hạn khai thác. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm bảo đảm an toàn môi trường, phục hồi cảnh quan và bàn giao lại quỹ đất cho địa phương quản lý, sử dụng hiệu quả.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, công tác quản lý mỏ khoáng sản trên địa bàn có nhiều thay đổi. Đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp nhận và thẩm định 103 hồ sơ đề nghị phê duyệt đóng cửa mỏ, trong đó 74 hồ sơ đã được UBND tỉnh phê duyệt, còn lại 29 hồ sơ đã kiểm tra, thẩm định và yêu cầu các đơn vị bổ sung, hoàn thiện trước khi trình phê duyệt.

Hiện trên địa bàn tỉnh



Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra thực địa công tác đóng cửa mỏ khoáng sản

còn 78 điểm mỏ đã hết thời hạn khai thác nhưng chưa lập hồ sơ đóng cửa mỏ, bao gồm: 38 mỏ đất, 38 mỏ cát và 2 mỏ đá. Đa số các điểm mỏ chưa thực hiện đóng cửa mỏ đã hết thời hạn khai thác từ lâu, không thể liên hệ với doanh nghiệp, đã bị thu hồi giấy đăng ký kinh doanh, bị cưỡng chế thuế...

Trong quá trình kiểm tra, thẩm định còn gặp một số khó khăn như: Cao trình tại khu vực chưa khai thác thấp hơn cao trình khi cấp phép hoặc cao trình hiện trạng thấp hơn cao trình kết thúc khai thác theo giấy phép. Sau khi khai thác xuất lộ khối lượng đá lớn nên không khó khăn trong công tác cải tạo, phục hồi môi trường. Có trường hợp chưa khai thác hết diện tích, cao trình nhưng đã hết trữ lượng hoặc vượt trữ lượng được cấp phép; gặp khó khăn khi thỏa thuận với người dân để thực hiện cải tạo phục hồi môi trường (đã hết thời hạn thuê đất), hồ sơ không đầy đủ...

Nhằm tháo gỡ vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động liên hệ Cục Địa chất và Khoáng sản hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc, phối hợp với Thuế, UBND các xã, phường, đặc khu tăng cường kiểm tra, siết chặt quản lý đất đai tại khu vực các mỏ đã đóng cửa hoặc hết hạn khai thác và không để phát sinh khai thác khoáng sản trái phép. Đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan mời các chủ mỏ làm việc để hướng dẫn chi tiết quy trình, thủ tục lập hồ sơ đóng cửa mỏ và xử lý đối với các chủ mỏ không thực hiện việc đóng cửa mỏ theo quy định.

Việc thực hiện nghiêm túc công tác đóng cửa mỏ nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, phục hồi cảnh quan, đảm bảo an toàn cho người dân và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên đất sau khai thác. Nỗ lực của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua cho thấy sự quyết tâm trong quản lý tài nguyên khoáng sản theo hướng minh bạch, chặt chẽ và bền vững./.

Tăng cường hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp GIẢI PHÁP CHO PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BỀN VỮNG

✎ **Th.S Nguyễn Thị Tuyết**
Chi cục Phát triển nông thôn

Sau hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (KT TT), hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) trên địa bàn tỉnh từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, dần khẳng định vị trí, vai trò của KT TT, HTX trong nền kinh tế quốc dân, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho các thành viên, bảo đảm an sinh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, việc phát triển HTX có vai trò quan trọng trong thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần hoàn thành 02 tiêu chí (tiêu chí số 10 về thu nhập và tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất) trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, số lượng HTX thành lập mới tăng hằng năm nhưng quy mô, chất lượng hoạt động chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phần lớn HTX có quy mô nhỏ, năng lực quản trị yếu; còn thụ động trong tổ chức sản xuất, kinh doanh; trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước; chưa thể hiện rõ vai trò trong chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp. Do đó, yêu cầu đặt ra đối với lĩnh vực HTX là phải phát huy nội lực, đổi mới phương thức quản lý, kinh doanh; ứng dụng mạnh mẽ khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu hội nhập, toàn cầu hóa nền kinh tế và bảo đảm đủ năng lực cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác.



Hợp tác xã giúp nông dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

Ngày 13/11/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1804/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở đó, giai đoạn 2021-2025, từ nguồn vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã triển khai nhiều nội dung hỗ trợ phát triển HTX, cụ thể như:

Hỗ trợ, tư vấn củng cố và tổ chức lại các HTX nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung điều lệ; hướng dẫn sắp xếp, củng cố tổ chức và hoạt động của HTX phù hợp với quy định hiện hành; mở rộng dịch vụ có thể mạnh, phát triển sản xuất hàng hóa, lựa chọn cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ

thuật, đặc biệt là tổ chức sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; tổ chức tập huấn về quản lý, điều hành và nghiệp vụ; tư vấn, cung cấp thông tin và phổ biến pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Thực hiện hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chế biến sản phẩm và ứng dụng khoa học, công nghệ cho các HTX tham gia Đề án lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả, gồm: xây dựng xưởng sơ chế, chế biến sản phẩm; mua sắm trang thiết bị; xây dựng kho trung bày, kho lạnh bảo quản sản phẩm; nâng cấp kênh tưới, trạm bơm. Tổng kinh phí hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 38.887 triệu đồng.

Từ những kết quả hỗ trợ trên, các HTX đã đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học

- kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu và nhãn hiệu sản phẩm. Qua đó, nâng cao năng suất lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động. Trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện nhiều HTX hoạt động hiệu quả, tiêu biểu như: HTX Nông nghiệp, Thương mại và Dịch vụ Sáu Nhung; HTX Công Bằng Pô Cô; HTX Nông nghiệp, Thương mại và Dịch vụ Thế hệ mới Đắc Mar (sản phẩm cà phê); HTX Dược liệu hữu cơ Tu Mơ Rông; HTX Dược liệu và Thương mại An Khang với các sản phẩm trà sâm dây, trà khổ qua rừng, tinh dầu tiêu rừng...

Trong thời gian tới, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục triển khai các nội dung hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX; theo dõi, đôn đốc các địa phương thực hiện hiệu quả công tác củng cố, kiện toàn HTX nông nghiệp; triển khai các chương trình hỗ trợ HTX giai đoạn 2026-2030 theo Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ và Đề án nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Kết quả nổi bật của Kế hoạch

“HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐÀN BÒ THEO HƯỚNG NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG” GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

Nguyễn Thị Hải Vàng
Trung tâm Khuyến nông

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong giai đoạn 2022 - 2025, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai Kế hoạch “Hỗ trợ phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng” (Kế hoạch) tại một số địa phương có điều kiện phù hợp. Đây là kế hoạch hỗ trợ có quy mô và phạm vi cụ thể, tập trung vào cải thiện giống, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và từng bước thay đổi phương thức chăn nuôi bò theo hướng thâm canh, hiệu quả hơn.

Kế hoạch được xây dựng nhằm khắc phục những hạn chế phổ biến trong chăn nuôi bò truyền thống như đàn bò phân tán, chất lượng giống chưa đồng đều, năng suất thấp và mức độ áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. Thông qua việc hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, Kế hoạch hướng tới hình thành các mô hình điểm, làm cơ sở

thực tiễn để đánh giá hiệu quả và xem xét khả năng nhân rộng trong thời gian tới.

Một trong những nội dung then chốt của Kế hoạch là xây dựng đàn bò cái nền chất lượng cao. Trong giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh đã tuyển chọn 160 con bò cái hậu bị tại nhiều địa phương trong tỉnh, bảo đảm các tiêu chí về độ tuổi, trọng lượng, thể trạng và khả năng sinh sản. Việc hình thành đàn bò cái nền được xác định là giải pháp lâu dài, có ý nghĩa quyết định trong nâng cao chất lượng đàn bò, tạo tiền đề cho việc lai tạo các thể hệ bò thương phẩm có năng suất và chất lượng cao hơn.

Song song với đó, kỹ thuật thụ tinh nhân tạo được triển khai đồng bộ trong phạm vi Kế hoạch với sự tham gia của 20 kỹ thuật viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn. Việc áp dụng thụ tinh nhân tạo giúp chủ động lựa chọn nguồn tinh bò chất lượng cao, nâng tỷ lệ đậu thai, hạn chế rủi ro

dịch bệnh và từng bước thay thế phương thức phối giống tự nhiên trước đây, góp phần tạo ra đàn bê lai có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt.

Bên cạnh cải thiện giống, Kế hoạch đặc biệt chú trọng chuyển giao và áp dụng quy trình chăn nuôi thâm canh. Trong quá trình triển khai, đã có hơn 2.400 lượt nông dân được tập huấn về kỹ thuật nuôi dưỡng bò sinh sản, chăm sóc bê con, ủ chua thức ăn, quản lý sinh sản và phòng, trị bệnh theo mùa vụ. Các lớp tập huấn được tổ chức theo hướng kết hợp giữa lý thuyết và thực hành tại chuồng trại, giúp người dân dễ tiếp cận, dễ áp dụng và từng bước thay đổi tập quán chăn nuôi truyền thống.

Kết quả thực hiện Kế hoạch cho thấy hiệu quả bước đầu khá rõ nét. Bê sơ sinh trong mô hình đạt trọng lượng bình quân 28,3 kg, tỷ lệ nuôi sống đến cai sữa đạt 100%. Giá bán bê lai cao hơn ngoài mô hình từ 2 - 3 triệu đồng/con, góp phần



Mô hình chăn nuôi bò cái lai sinh sản theo hướng tập trung, thâm canh tại xã Bình Minh

nâng cao hiệu quả kinh tế cho các hộ tham gia. Theo đánh giá, thu nhập của các hộ trong mô hình tăng từ 10 - 15% so với trước đây, tạo thêm động lực để người dân duy trì và phát triển chăn nuôi theo hướng thâm canh.

Không chỉ mang lại lợi ích kinh tế, kế hoạch còn tạo ra tác động tích cực về mặt kỹ thuật và nhận thức. Thông qua các buổi tham quan mô hình, hội thảo đầu bờ và sinh hoạt nhóm, người dân được trực tiếp quan sát kết quả thực tế, trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ cách làm hiệu quả. Tại một số địa phương, các nhóm hộ chăn nuôi đã hình thành, cùng nhau hỗ trợ kỹ thuật, phối hợp phòng, chống dịch bệnh và sử dụng chung dịch vụ thụ tinh nhân tạo, góp phần nâng cao hiệu

quả quản lý đàn bò trong phạm vi mô hình.

Đội ngũ kỹ thuật viên thụ tinh nhân tạo và cán bộ khuyến nông đóng vai trò quan trọng trong suốt quá trình triển khai Kế hoạch. Bên cạnh việc thực hiện các thao tác kỹ thuật, đội ngũ này còn trực tiếp tư vấn dinh dưỡng, hướng dẫn cải tạo chuồng trại và hỗ trợ xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình nuôi dưỡng. Sự đồng hành thường xuyên, sát cơ sở đã giúp người dân từng bước làm chủ kỹ thuật mới, bảo đảm tính ổn định và bền vững của mô hình.

Từ kết quả thực tiễn có thể khẳng định, Kế hoạch “Hỗ trợ phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng” giai đoạn 2022 - 2025 đã đạt được những kết quả quan trọng

trong phạm vi triển khai. Mặc dù đây là kế hoạch hỗ trợ có quy mô còn hạn chế và chưa phản ánh toàn diện bức tranh chăn nuôi bò của tỉnh, nhưng những kết quả đạt được đã cung cấp cơ sở thực tiễn đáng tin cậy cho việc đánh giá hiệu quả của các giải pháp cải thiện giống và áp dụng kỹ thuật thâm canh.

Trên cơ sở đó, ngành chuyên môn sẽ tiếp tục tổng kết, đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện Kế hoạch; đồng thời nghiên cứu đề xuất các giải pháp phù hợp để nhân rộng những nội dung mang lại hiệu quả, gắn với điều kiện cụ thể của từng địa phương, bảo đảm phù hợp với nguồn lực, trình độ quản lý và khả năng tiếp nhận kỹ thuật của người chăn nuôi.

Có thể khẳng định, với vai trò là một kế hoạch hỗ trợ có trọng tâm, mô hình phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng đã góp phần thay đổi tư duy sản xuất của các hộ tham gia, nâng cao hiệu quả chăn nuôi và tạo tiền đề quan trọng cho việc xây dựng các chương trình, chính sách phát triển chăn nuôi bò trong giai đoạn tiếp theo theo hướng hiệu quả, bền vững và phù hợp với thực tiễn địa phương.

CHỦ ĐỘNG THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG ĐÓI, RÉT CHO ĐÀN VẬT NUÔI TẠI CÁC XÃ VÙNG NÚI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

✍️ Dương Thị Bích

Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, hiện tượng ENSO hiện đang duy trì trạng thái trung tính, do nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương. Dự báo từ nay đến tháng 1/2026, ENSO nhiều khả năng tiếp tục ở trạng thái trung tính.

Trong thời kỳ này, không khí lạnh có xu hướng gia tăng về cường độ và tần suất; rét đậm có khả năng xuất hiện từ nửa cuối tháng 12/2025, tương đương mức trung bình nhiều năm. Các đợt mưa lớn có khả năng xuất hiện nhiều tại khu vực Trung Bộ, tập trung ở khu vực Hà Tĩnh - Quảng Ngãi và phía Đông cao nguyên Trung Bộ. Với tình trạng mưa lớn kéo dài, khu vực Đông Trường Sơn thuộc Tây Quảng Ngãi và vùng miền núi Đông Quảng Ngãi có khả năng chịu ảnh hưởng của không khí lạnh

và các đợt rét đậm kéo dài đến khoảng tháng 2/2026.

Để chủ động phòng chống đói, rét cho vật nuôi, giảm thiểu thiệt hại về chăn nuôi trong vụ Đông - Xuân năm 2025 - 2026, đồng thời bảo đảm phát triển chăn nuôi bền vững, các xã, phường, đặc khu, các đơn vị liên quan cần chỉ đạo, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống đói, rét cho đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ văn bản số 5490/SNNMT-CNTY ngày 30/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống đói, rét cho đàn vật nuôi vụ Đông Xuân 2025 - 2026, các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh, nhất là các địa phương vùng Đông Trường Sơn phía Tây và vùng núi phía Đông Quảng Ngãi cần tập trung triển khai một số biện pháp trọng tâm sau:

- Vận động, đôn đốc người dân xây dựng mới, gia cố chuồng trại đã có để nuôi nhốt gia súc, gia cầm đảm bảo không để mưa tạt, gió lùa;

- Cập nhật diễn biến thời tiết khí hậu ở địa phương, thông tin kịp thời và thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng để người chăn nuôi biết, không chủ quan và bị động trong việc phòng chống đói, rét cho vật nuôi;

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên thành lập các đoàn công tác để theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, người chăn nuôi chủ động dự trữ thức ăn tinh và thức ăn khô (*rom, cỏ khô, thức ăn ủ chua* ...) và bảo quản các phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho trâu, bò trước khi vào mùa mưa, rét;

- Những ngày rét nhiệt độ ngoài trời dưới 12°C, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn,



Chuồng nuôi nhốt trâu, bò theo nhóm hộ gia đình tại các xã phía Tây Quảng Ngãi

chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động người chăn nuôi không cho trâu, bò làm việc, chăn thả tự do; phối hợp người dân đưa trâu, bò về chuồng, trại nuôi nhốt, có thức ăn đảm bảo trong thời gian rét đậm, rét hại; củng cố, che chắn và thường xuyên vệ sinh chuồng trại chăn nuôi, luôn giữ khô nền chuồng, đảm bảo ẩm và không bị ẩm ướt.

Thời gian qua, Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và Môi trường)

đã tổ chức các lớp tập huấn về công tác phòng chống đói rét cho đàn vật nuôi năm 2025 trên địa bàn các xã vùng Đông Trường sơn thuộc phía Tây Quảng Ngãi để hướng dẫn người chăn nuôi về kỹ thuật làm chuồng trại; kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng gia súc trong thời điểm mưa, rét. Thu gom rơm rạ, cỏ khô; phương pháp trồng cỏ để dự trữ; phương pháp chế biến, bảo quản thức ăn cho gia súc và cách phòng trừ một số bệnh thường gặp trên trâu,

bò trong thời điểm mưa, rét và các biện pháp phòng chống.

Trong thời gian tới, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp tục phối hợp với các địa phương tăng cường kiểm tra, hướng dẫn công tác phòng, chống đói rét cho đàn vật nuôi; đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn vừa qua để đề xuất các giải pháp phù hợp, hiệu quả hơn, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững trên địa bàn tỉnh.

NUÔI GHÉP CÁ NÂU, CUA XANH VỚI TÔM SÚ: GIẢI PHÁP HIỆU QUẢ CHO NUÔI TRỒNG THỦY SẢN BỀN VỮNG

✍ Th.S Nguyễn Hữu Thái
Trung tâm Khuyến nông

Nuôi ghép tôm sú, cá nâu và cua xanh được đánh giá là một giải pháp kỹ thuật hiệu quả trong nuôi trồng thủy sản nước lợ hiện nay. Mô hình hoạt động dựa trên nguyên tắc cộng sinh, tận dụng đặc tính sinh học khác biệt của từng loài nhằm tối ưu hóa môi trường ao nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm thiểu rủi ro, phù hợp với định hướng phát triển thủy sản bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Tính tương thích sinh học - nền tảng của mô hình

Sự thành công của mô hình nuôi ghép bắt nguồn từ tính tương thích cao giữa ba đối tượng nuôi là tôm sú, cá nâu và cua xanh.

Về thức ăn, cá nâu là loài ăn tạp, nguồn thức ăn chủ yếu là tảo, mùn bã hữu cơ và thức ăn thừa trong ao nuôi, do đó không cạnh tranh trực tiếp với thức ăn công nghiệp của tôm sú.

Về không gian sống, ba loài phân bố ở các tầng nước khác nhau: tôm sú và cua xanh chủ yếu sinh sống ở tầng đáy, trong khi cá nâu hoạt động ở tầng giữa. Sự phân tầng này giúp hạn chế xung đột về không gian, tăng khả năng sinh trưởng của từng đối tượng.

Về điều kiện môi trường, cả ba loài đều thích nghi tốt trong môi trường nước lợ với độ mặn từ 10-25‰. Chất thải từ tôm trở thành



Mô hình nuôi ghép các đối tượng thủy sản nước lợ thương phẩm trong ao thích ứng biến đổi khí hậu tại xã Vạn Tường

nguồn thức ăn cho cá nâu; hoạt động kiếm ăn của cá nâu góp phần làm sạch môi trường ao nuôi; trong khi cua xanh đóng vai trò “dọn dẹp”, tiêu thụ xác tôm bệnh và vỏ tôm lột, tạo nên một chu trình tuần hoàn dinh dưỡng khép kín trong ao.

Lợi ích kỹ thuật và môi trường

Một trong những lợi ích kỹ thuật quan trọng nhất của mô hình là cải thiện rõ rệt chất lượng nước ao nuôi. Cá nâu giúp giảm lượng mùn bã hữu cơ và thức ăn dư thừa; cua xanh làm sạch đáy ao,

hạn chế sự tích tụ chất thải. Nhờ đó, các chỉ tiêu môi trường như pH, oxy hòa tan được duy trì ổn định, giảm áp lực phát sinh mầm bệnh nguy hiểm, hạn chế rủi ro dịch bệnh so với mô hình nuôi đơn canh.

Hiệu quả kinh tế từ thực tiễn mô hình

Mô hình “Nuôi ghép các đối tượng thủy sản nước lợ thương phẩm trong ao thích ứng với biến đổi khí hậu” được triển khai với tổng quy mô 4 ha, có 6 hộ dân tham gia tại 3 xã: Tịnh Khê (2 ha, 4 hộ), An Phú và Vạn Tường (2 ha, 2 hộ). Sau gần 4 tháng nuôi, kết quả đạt được khá khả quan. Tôm sú đạt cỡ 40 con/kg, tỷ lệ sống 60%; cá nâu đạt trọng lượng trung bình 200 g/con, tỷ lệ sống 70%; cua xanh đạt 300 g/con, tỷ lệ sống 60%. Doanh thu bình quân đạt khoảng 450 triệu đồng/ha/vụ.

Ông Dương Văn Viện, xã Tịnh Khê, một trong những hộ tham gia mô hình, phần khởi cho biết: “Mô hình này đạt hiệu quả kinh tế khá cao. Sau 4 tháng, tôi chọn bắt cá lớn đạt trọng lượng để bán trước. Đến nay đã thu hoạch 900 kg cá nâu, 1,2 tấn tôm sú, 900 kg cua xanh, thu về trên 600 triệu đồng. Trừ chi phí sản xuất, lợi nhuận trên

250 triệu đồng, trong khi dưới ao vẫn còn một số cá và tôm chưa thu hoạch hết”.

Theo ông Viện, quá trình nuôi diễn ra thuận lợi, môi trường ao nuôi ít bị ô nhiễm nhờ cá nâu ăn sạch thức ăn thừa và rong rêu, cua xanh tiêu thụ xác tôm bệnh và vỏ tôm. Nhờ đó, tôm và cá sinh trưởng nhanh, không xảy ra dịch bệnh gây hại.

Theo ông Đỗ Thanh Dung, cán bộ kỹ thuật Trung tâm Khuyến nông trực tiếp chỉ đạo mô hình, bên cạnh những lợi ích rõ rệt, mô hình nuôi ghép cũng đòi hỏi quản lý kỹ thuật chặt chẽ, đặc biệt là kiểm soát mật độ, môi trường và dịch bệnh. Để đạt hiệu quả tối ưu, người nuôi cần tuân thủ quy trình kỹ thuật, trong đó: Diện tích ao nuôi phù hợp từ 2.000-5.000 m²; hệ thống sục khí đầy đủ, bảo đảm oxy hòa tan luôn trên 5 mg/l; con giống của cả ba loài phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm dịch; mật độ thả khuyến cáo: Tôm sú 12 con/m² (cỡ P15); cá nâu 0,5-1 con/m² (kích cỡ $\geq$ 5 cm/con); cua xanh 0,5 con/m² (kích cỡ $\geq$ 2 cm/con).

Ông Trần Đình Tiến, Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Tịnh Khê cho biết, toàn xã hiện có hơn 31,5 ha diện tích nuôi

trồng thủy sản nước mặn lợ. Mô hình nuôi ghép tôm sú, cá nâu và cua xanh tại hộ ông Dương Văn Viện là mô hình nuôi xen ghép đầu tiên tại địa phương và đã cho hiệu quả kinh tế cao trên cùng một đơn vị diện tích. Từ kết quả thực tế, thời gian tới Trung tâm sẽ tham mưu UBND xã Tịnh Khê quan tâm chỉ đạo, tuyên truyền và xây dựng kế hoạch nhân rộng các mô hình nuôi luân canh, xen ghép các đối tượng mới như cá đối mục, cá măng, cá dìa, cua xanh với tôm, nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị và phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững.

Mô hình nuôi ghép tôm sú, cá nâu và cua xanh mang lại lợi ích kép về kinh tế và môi trường, thể hiện tính bền vững cao hơn so với mô hình nuôi đơn canh. Mô hình giúp đa dạng hóa sản phẩm, giảm thiểu rủi ro và tối ưu hóa lợi nhuận cho người nuôi. Tuy nhiên, để thành công, người nuôi cần có trình độ quản lý kỹ thuật tốt, đặc biệt trong việc kiểm soát mật độ, thời điểm thả giống và các thông số môi trường. Khi được vận hành đúng quy trình, đây là giải pháp hiệu quả cho nuôi trồng thủy sản bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay./.